TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: **60/2023/HNGĐ-ST** Ngày 26/9/2023 "V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Đ Thị Thanh Thơm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 150/2023/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị Đ, sinh năm 1987; ĐKHKTT: Xóm V, xã D, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Hiện cư trú: Số nhà 199 N, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Vũ Thế H, sinh năm 1979; ĐKHKTT và trú tại: xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về phía nguyên đơn chị Lưu Thị Đ trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Chị và anh Vũ Thế H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã Đ, là quê của anh H. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống được 1 thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vì mâu thuẫn nên chị và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2008

Theo chị Đ nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Anh H chơi bời, rượu chè, say xỉn, vô cớ chửi bới chị. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không thay đổi mà còn có lời lẽ, thái độ không tôn trọng chị và gia đình chị. Do đó chị đã về Quảng Ninh sinh sống từ năm 2008, ly thân với anh H từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ

chồng không còn, không thể quay về chung sống, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để chị ổn định cuộc sống

Về con chung: chị xác định vợ chồng có 1 con chung Vũ Phương A, sinh ngày 16/6/2006, hiện đang ở với anh H. Khi ly hôn, chị tôn trọng nguyện vọng của cháu Phương A. Nếu cháu Phương A muốn ở với anh H, chị nhất trí và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H. Trường hợp cháu Phương A muốn ở với chị, chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị Đ xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không thể tham gia phiên tòa xét xử vụ án, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt

Về phía bị đơn anh Vũ Thế H trong Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/8/2023 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, anh nhất trí như chị Đ đã nêu. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ của anh tại xóm 5, xã Đ được 1 thời gian thì đi làm ăn ở cửa khẩu tại M, Quảng Ninh. Trong thời gian đi làm ăn, giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không chăm lo con cái nên anh phải đưa con về quê sinh sống, toàn bộ tiền làm ăn, vốn liếng của vợ chồng, anh để lại cho chị Đ quản lý và bế con chung khi đó mới gần ba tuổi về quê và chăm sóc cháu. Vợ chồng anh sống ly thân từ năm 2008 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị Đ có yêu cầu giải quyết ly hôn, anh nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh H cũng xác nhận vợ chồng có 1 con chung là Vũ Phương A, sinh ngày 16/6/2006, hiện đang ở với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung vì anh đã nuôi cháu từ nhỏ đến nay. Anh yêu cầu chị Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên mỗi tháng 5 triệu đồng.

Về tài sản chung: Anh H xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết, tùy vào việc chị Đ suy nghĩ cho con như thế nào đó là việc của chị Đ.

Mặc dù có mặt tại nơi cư trú nhưng anh H từ chối tham gia hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử vụ án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

Con chung của vợ chồng là Vũ Phương Anh, sinh ngày 16/6/2006 thuộc trường hợp được Tòa án hỏi ý kiến khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với anh H khi anh H và chị Đ ly hôn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện tương đối đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14. Xử ly hôn giữa chị Lưu Thị Đ và anh Vũ Thế H; Về con chung: Giao cho anh Vũ Thế H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Vũ

Phương Anh, sinh ngày 16/6/2006; anh H phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Đ. Về án phí: Chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lưu Thị Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Vũ Thế H, cư trú xóm 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa và đã được tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do; về phía nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lưu Thị Đ và anh Vũ Thế H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2005 tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân gia đình. Sau khi kết hôn vợ chồng sống một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn do mâu thuẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân từ 2008 cho đến nay.

Theo chị Đ xác định nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống. Anh H chơi bời, rượu chè, say xỉn, vô cớ chửi bới chị; mặc dù chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh H không thay đổi mà còn có lời lẽ, thái độ không tôn trọng chị và gia đình chị. Do đó, chị đã sống ly thân với anh H từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh về nội dung này.

Về phía anh H, anh xác định việc phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do chị Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không chăm sóc con cái, nên anh đã phải đưa con từ M về quê sinh sống khi con chung mới 2,5 tuổi.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị Đ và anh H tại UBND xã Đ là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương xác nhận do mâu thuẫn vợ chồng nên chị Đ, anh H không còn chung sống với nhau nữa, về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn thì địa phương không nắm rõ do anh H và chị Đ chưa hòa giải tại cơ sở.

Như vậy có thể xác định: mặc dù về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, các bên trình bày là khác nhau nhưng cả chị Đ và anh H đều xác định thời gian chung sống không dài, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn; do mâu thuẫn không giải quyết được nên hai bên đã sống ly thân khoảng 15 năm. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên khắc phục mâu thuẫn nhưng cả anh H và chị Đ đều không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị Đ có yêu cầu ly hôn, anh H cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn còn bỏ mặc không quan tâm.

Từ những phân tích nêu trên đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị Đ, anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích

hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu của chị Đ giải quyết ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung :

Chị Lưu Thị Đ và anh Vũ Thế H đều xác nhận vợ chồng chỉ có 1 con chung là Vũ Phương Anh, sinh ngày 16/6/2006. Khi ly hôn, chị Đ đề xuất nếu nguyện vọng của cháu Phương A muốn ở với anh H, chị nhất trí và sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi tháng 3 triệu đồng. Trường hợp cháu Phương Anh muốn ở với chị, chị sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về phía anh H, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A do anh đã nuôi cháu từ nhỏ và yêu cầu chị Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh mỗi tháng 5 triệu đồng kể từ khi ly hôn đến khi con chung thành niên.

Con chung của vợ chồng anh chị là cháu Phương A khi được hỏi ý kiến cũng có nguyện vọng được ở với anh H khi bố mẹ ly hôn. Thực tế từ khi sống ly thân cho đến nay cháu Phương A được anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó việc giao cháu Phương A cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng và chị Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ trình bày chị là lao động tự do, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 10 triệu đồng, do đó yêu cầu về mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 5 triệu đồng/1 tháng của anh H là vượt quá khả năng; chị đề xuất mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3 triệu đồng cùng anh H

Về phía anh H yêu cầu chị Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh là 5 triệu đồng/1 tháng nhưng không giao nộp được tài liệu chứng cứ chứng minh về mức thu nhập của chị Đ hiện nay như thế nào để có khả năng đống góp ở mức anh yêu cầu. Thực tế cả hai anh chị đều làm nghề tự do, thu nhập không đều đặn, không xác định được cụ thể hàng tháng là bao nhiêu. Do đó để đảm bảo cuộc sống sinh hoạt, học tập cho con chung tại địa phương và cũng phù hợp với mức thu nhập của các bên thì mức đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi tháng 3 triệu đồng như chị Đ đề xuất là phù hợp, được chấp nhận

[4] Về tài sản chung:

Chị Lưu Thị Đ và anh Vũ Thế H đều không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

Căn cứ quy định tại điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 buộc chị Đ phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 118 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử ly hôn giữa chị Lưu Thị Đ và anh Vũ Thế H.

2. Về con chung: Giao cho anh Vũ Thế H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Vũ Phương Anh, sinh ngày 16/6/2006 cho đến khi thành niên. Chị Lưu Thị Đ phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh H mỗi tháng 3.000.000đ kể từ tháng 10/2023 cho đến khi con chung thành niên. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Lưu Thị Đ phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA4977 ngày 11/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị Đ còn phải nộp 300.000đ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

***Nơi nhận*:**
-TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Thế Anh